

Bản án số: 131/2019/HSPT

Ngày 22 - 4 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các thẩm phán:

Ông Phạm Tồn

Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Anh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 126/2019/TLPT-HS ngày 27-02-2019 đối với các bị cáo Lê Võ Huy H, Lê Bình N, Bùi Văn Q, Dương Văn T, Nguyễn Thành V, Ngô Huỳnh Nhật T1, Phan Huỳnh T2, Dương Thanh S, Đặng Tuấn K về tội: “*Giết người*”. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Võ Huy H; bị cáo Lê Bình N; bị cáo Bùi Văn Q; bị cáo Dương Văn T; bị cáo Nguyễn Thành V; bị cáo Ngô Huỳnh Nhật T1; bị cáo Phan Huỳnh T2; người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Thanh S - bà Phan Thị A; bị cáo Đặng Tuấn K, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST-CNT ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. **LÊ VÕ HUY H** (Tên gọi khác: Cát), sinh ngày 27/9/1997 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ 25, phường T6, quận S1, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H5 và bà Võ Thị S2 (cả hai đều còn sống); có vợ là Nguyễn Thị Hiếu H3, có một người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt giam ngày 22/3/2018. Có mặt.

2. **LÊ BÌNH N**, sinh ngày 09/5/1995 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Tổ 11, phường T6, quận S1, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Lê Quốc B và bà Trần Thị Giao T11 (cả hai đều còn sống). Có vợ Nguyễn Thị Thúy T12, có một người con sinh năm 2018. Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 24/9/2014 bị Tòa án nhân dân quận S1, thành phố Đà Nẵng xử phạt 36 tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt ngày 01/9/2016. Bị bắt giam ngày 02/4/2018. Có mặt.

3. **BÙI VĂN Q**, sinh ngày 31/5/2001 tại Đà Nẵng (*tính đến thời điểm phạm tội 16 tuổi 09 tháng 21 ngày*), nơi cư trú: Tổ 10C3, phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T8 và bà Bùi Thị T9 (cả hai đều còn sống). Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 22/3/2018. Có mặt.

4. **DƯƠNG VĂN T** (Tên gọi khác: T Ok), sinh ngày 17/02/1993 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Tổ 2, phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Y (cả hai đều còn sống); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/8/2014 bị Tòa án nhân dân quận S1, thành phố Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 26/8/2015 chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo bị bắt giam ngày 29/3/2018. Có mặt.

5. **NGUYỄN THÀNH V**, sinh ngày 07/6/1996 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Tổ 77, phường T6, quận S1, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành H6 (đã chết) và bà Trần Thị Bích V4 (sống). Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/9/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 08 năm tù về tội: “Giết người” quy định tại khoản 1 Điều 93 BLHS năm 1999 (*Khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi nên không tính là tiền án*). Đến ngày 31/8/2015 được đặc xá. Bị cáo bị bắt giam ngày 28/3/2018. Có mặt.

6. **NGÔ HUỖNH NHẬT T1** (Tên gọi khác: Bánh Bao), sinh ngày 06/10/2001 tại Đà Nẵng (*Tính đến ngày phạm tội bị cáo 16 tuổi 5 tháng 14 ngày*); nơi cư trú: Tổ 01, phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không (học sinh); trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Tấn T3 và bà Huỳnh Thị T10 (cả hai đều còn sống); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam ngày 22/3/2018. Có mặt.

7. **PHAN HUỖNH T2**, sinh ngày 26/11/2001 tại Đà Nẵng (*Tính đến ngày*

phạm tội bị cáo 16 tuổi 3 tháng 22 ngày); nơi cư trú: Tổ 6, phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thanh D và bà Huỳnh Thị Diệu H7 (cả hai đều còn sống); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam ngày 22/3/2018. Có mặt.

8. DUƠNG THANH S, sinh ngày 15/6/2002 tại Đà Nẵng (*Tính đến ngày phạm tội bị cáo 15 tuổi 9 tháng 05 ngày*); nơi cư trú: Tổ 30, phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Anh H8 (đã chết) và bà Phan Thị A (sống); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam ngày 22/3/2018, hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 31/3/2018. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

9. ĐẶNG TUẤN K, sinh ngày 06/4/2002 tại Đà Nẵng (*tính đến ngày phạm tội bị cáo 15 tuổi 11 tháng 16 ngày*); nơi cư trú: Tổ 03B (cũ), tổ 01 (mới), phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Đặng Thị Huyền N2 (sống); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam ngày 22/3/2018, hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 31/3/2018. Bị bắt tạm giam lại ngày 30/8/2018. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt.

** Đại diện hợp pháp của các bị cáo:*

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Văn Q: Ông **Võ Văn T8**, sinh năm 1967 và bà **Bùi Thị T9**, sinh năm 1969 (cha, mẹ ruột bị cáo); cùng trú tại: Tổ 10C3, phường M, quận S1, TP Đà Nẵng. Ông T8 vắng mặt, bà T9 có mặt.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Ngô Huỳnh Nhật T1: Ông **Ngô Tấn T3**, sinh năm 1978 và bà **Huỳnh Thị T10**, sinh năm 1976 (cha, mẹ ruột bị cáo); cùng trú tại: Tổ 01, phường M, quận S1, TP Đà Nẵng. Đều có mặt.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Huỳnh T2: Ông **Phan Thanh Diện**, sinh năm 1973 và bà **Huỳnh Thị Diệu Hiền**, sinh năm 1972 (cha, mẹ ruột bị cáo); cùng trú tại: Tổ 06, phường M, quận S1, TP Đà Nẵng. Đều có mặt.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Thanh S: Bà **Phan Thị A**, sinh năm 1973 (mẹ ruột bị cáo); trú tại: Tổ 30, phường M, quận S1, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Tuấn K: Bà **Đặng Thị Huyền N2**, sinh năm 1986 (mẹ ruột bị cáo); trú tại: Tổ 03b, phường M, quận S1, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo:*

- Bà **Lê Thị Hồng T13** - Luật sư thuộc Đoàn luật sư TP Đà Nẵng bào

chữa cho các bị cáo **Lê Võ Huy H** và **Đặng Tuấn K**. Có mặt.

- Ông **Nguyễn Tiến T14** - Luật sư thuộc Đoàn luật sư TP. Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo **Lê Bình N**. Có mặt.

- Bà **Trần Thị Thùy V5** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo **Bùi Văn Q**. Có mặt.

- Ông **Dư Ngọc T15** - Luật sư thuộc Đoàn luật sư TP Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Thành V**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Trần Văn Đ2** - Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo **Dương Văn T**. Có mặt.

- Luật sư **Ông Quốc C1** - thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo **Ngô Huỳnh Nhật T1**. Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị Kim A1** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước TP Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo **Phan Huỳnh T2**. Có mặt.

- Ông **Lê Hữu P1** - Luật sư thuộc Đoàn luật sư TP Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo **Dương Thanh S**. Có mặt.

(Ngoài ra trong vụ án còn có 01 người bị hại; 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; 01 điều tra viên không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30' ngày 21/3/2018, giữa anh Trương Văn Đ và anh Ngô Tấn T3 là hàng xóm, xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc con trai anh Đ là Trương Diệp L với con trai anh T3 là Ngô Huỳnh Nhật T1 cùng bạn của T1 là Lê Võ Huy H xô xát với nhau tại trước nhà anh T3. Lúc này, người dân xung quanh can ngăn và lực lượng Công an phường M đến giải quyết nên chưa xảy ra hậu quả gì. Sau đó, Lê Võ Huy H rủ Ngô Huỳnh Nhật T1, Bùi Văn Q, Dương Thanh S, Phan Huỳnh T2, Đặng Tuấn K, Đinh Văn T4, Trần Lê H1, Nguyễn Thành V, Lê Bình N, Dương Văn T và ba người phụ nữ (trong đó có vợ của Lê Võ Huy H) đến nhậu tại quán NV trên đường K1, quận S1, thành phố Đà Nẵng.

Đồng thời trong khoảng thời gian này, Trương Diệp L cùng Phạm Tuấn V1, Đặng Văn Đ, Phạm Văn T5, Phạm Văn C, Võ Văn T6 ngồi nhậu ở quán nhậu Rau Rừng gần chợ M thuộc phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng. Trong lúc ngồi nhậu, Trương Diệp L nhắc lại về việc xô xát với Lê Võ Huy H trước đó với vẻ bức tức rồi L rủ những người có tên nêu trên: “*Nếu gặp lại Cát*

(tức H) thì sẽ đánh Cát để dẫn mặt”. Riêng Phạm Văn C thì ngồi nhậu một lúc thì đi về nhà trước chứ không tham gia cùng Trương Diệp L.

Nhóm của H (Cát) ngồi nhậu được một lúc thì Lê Bình N có việc nên về trước. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày cả nhóm đi về, H (Cát) dùng xe mô tô biển kiểm soát 43E1-23782 của T2 chở T2 đi về nhà của H (Cát). Còn lại, H (Bôn), T, V, Q, S, T4, K, T1 chạy về quán cà phê V-H của V ở phường T6 ngồi chơi. Khi H (Cát) và T2 đi về gần đến nhà của H (Cát) đang tạm trú tại K113 đường P, phường A1, quận S1, thành phố Đà Nẵng thì bị Trương Diệp L, Đặng Văn Đ, Phạm Văn T5, Võ Văn T6, Phạm Tuấn V1 chặn đánh nhưng H (Cát) cùng T2 bỏ chạy được, nhóm L dùng xe máy đuổi theo mục đích để chặn đánh H (Cát). H (Cát) và T2 vừa bỏ chạy vừa gọi điện thoại cho Nguyễn Thành V và Lê Bình N thông báo về việc đang bị đuổi đánh, V nói H (Cát) chạy lên quán cà phê V-H và dụ nhóm L chạy lên để phục đánh lại. Nhóm của L đuổi theo H (Cát) đến khu vực trường THCS N1 thuộc phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng thì dừng lại không đuổi theo nữa, đi về đầu kiệt 142 Đường L ngồi chơi, còn Phạm Văn T5 thì đi về nhà. Lúc ngồi chơi thì có Phạm Văn C đang trên đường đi mua sữa cho con thấy nhóm L nên đến ngồi chơi cùng.

Khi H (Cát) và T2 chạy đến quán cà phê V- H thì V và những người phục sẵn ở quán không thấy ai đuổi theo H (Cát) nên cả nhóm khởi xướng đi tìm nhóm L để đánh trả thù cho H (Cát). Lê Võ Huy H, Nguyễn Thành V, Dương Văn T, Trần Lê H1, Bùi Văn Q, Ngô Huỳnh Nhật T1, Dương Thanh S, Đinh Văn T4, Đặng Tuấn K, Phan Huỳnh T2 chạy về nhà của H (Cát) để chuẩn bị hung khí. Trong khoảng thời gian này, vợ của H (Cát) là Nguyễn Thị Hiếu H3 đi chơi về đến nhà nghe tin H (Cát) bị đuổi đánh nên chạy đến nhà Lê Bình N gọi N lên nhà giúp đỡ, sau đó H3 chạy đi tìm H (Cát) để tìm hiểu sự việc còn N chạy đến nhà H (Cát) tại K113 đường P, phường A1, quận S1, thành phố Đà Nẵng. Khi cả nhóm H (Cát) về đến nhà H (Cát) đang tạm trú thì Lê Bình N cũng vừa đến. Tại đây, N biết nhóm H (Cát) chuẩn bị đi đánh nhau nên cùng với H (Cát), Q, H1 (Bôn), T, S, T1 lấy từ bao hung khí ở trước nhà H (Cát) mỗi người một cây hung khí (dao tự chế và kiếm Nhật), sau đó V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43E1- 20538 chở Q và H1 (Bôn); K điều khiển xe mô tô không rõ biển kiểm soát chở N; T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43E1-43902 chở S; T4 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43E1-16986 chở H (Cát); T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43E1-23782 chở T chạy đi tìm nhóm của L để đánh trả thù.

Nhóm H (Cát) chạy đến đường H4 giao nhau với Kiệt 142 Đường L, Đà Nẵng thì gặp Trương Diệp L, Phạm Tuấn V1, Đặng Văn Đoạn, Phạm Văn C, Võ Văn T6 nên H (Cát), H1 (Bôn), S, T, N, Q và T1 nhảy xuống xe cầm hung khí

lao đến đuổi đánh L, V1, Đ, C, T6. Bị đuổi đánh nên L, V1, Đ, C bỏ chạy ra nhiều hướng, riêng Võ Văn T6 đứng lại nên Q lao vào đứng trong tư thế đối diện chéo bên trái của T6 rồi dùng dao tự chế chém nhiều nhát trúng vào vùng vai trái và tay trái của T6. Bị Q chém nên T6 rút một con dao (con dao dài 23,5 cm, cán làm bằng nhựa màu xanh dài 11 cm, lưỡi làm bằng kim loại màu trắng dài 12,5 cm) từ trong tay áo khoác ra để chống trả, T6 cầm dao tiến đến Q nên Q lùi lại và vấp ngã ngồi trên nền đường. Thấy T6 cầm dao tiến về phía Q nên V từ phía sau T6 chạy đến dùng tay kéo vai T6 lại nhưng không được, ngay lúc này N cầm dao tự chế từ phía sau Q lao đến đứng đối diện hơi chéo bên trái của T6 chém một nhát trúng vào đầu của T6 (đang đội mũ bảo hiểm) làm T6 đi lùi lại. Thấy bạn bị vây đánh nên Đặng Văn Đ cầm gạch, đá ném về phía Q, N làm Q bị trúng vào vùng hông nhưng không để lại thương tích gì. Thấy vậy, K chờ N cầm dao đuổi theo Đ để đánh nhưng Đ bỏ chạy và nấp được.

Sau đó, thấy nạn nhân ôm đầu và chảy máu nên nhóm H (Cát) lên xe bỏ chạy, trước khi rời khỏi hiện trường thì Trần Lê H1 đã dùng hung khí đập vào chiếc xe mô tô biển kiểm soát 43E1-41741 của Phạm Tuấn V1. Lúc bỏ chạy: V chở Q, H1 (Bôn); T4 chở T còn T2 chạy một mình chạy về nhà anh ruột của Nguyễn Thành V là Nguyễn Thành V2 rồi V gom ba cây hung khí mang vào nhà của Việt để cất giấu. Sau đó, những người còn lại trong nhóm H (Cát) đến sau và mang hung khí đến đóng gỗ bên cạnh nhà của Nguyễn Thành V2 cất giấu, cả nhóm tụ tập tại cầu Sông Hàn uống nước mía. Biết Công an đang tìm nhóm của Lê Võ Huy H để điều tra vụ đánh nhau nên bà Võ Thị Sóc đi tìm và đến quán nước mía nói H (Cát) và ai có liên quan thì lên Công an đầu thú, nhóm H (Cát) đồng ý. N, T4 và T2 đi về còn H (Cát), H1 (Bôn), V, T, Q, T1, K và S đi về nhà V để nhậu, nhưng sau đó nghe được thông tin nạn nhân bị chém bị thương rất nặng nên cả nhóm gọi điện thoại cho N, T2 và T4 lên nhà của V để nói chuyện.

Tại nhà Nguyễn Thành V, N xúi giục Q lên Công an đầu thú, nhận thay nhát chém trên đầu nạn nhân do N chém, còn H1 (Bôn) thì xúi giục T4, T2, T1, Q, K và S lên Công an đầu thú nhận tội thay cho H1 (Bôn), V, T, N và H (Cát) thì T4, T2, T1, Q, K và S đều đồng ý. Sau đó, V xúi giục T1 lấy một số điện thoại đã bỏ của V lưu tên thành "*Hung chơi xe*" để khi T1 lên Công an đầu thú thì khai với Công an là T1 gọi Hùng và bạn của Hùng (không rõ họ tên, địa chỉ) đi đánh nhau vào tối 21.3.2018 để đối phó với Cơ quan điều tra và che giấu tội phạm cho V, T, N, H1 (Bôn) và H (Cát). Sau đó cả nhóm giải tán, N, V, T, H1 (Bôn) bỏ trốn. Trước khi trốn, V vì sợ liên lụy anh V3 nên chạy về nhà anh V3 mang ba cây hung khí đến cầu T7 vứt xuống sông. Hậu quả: Anh Võ Văn T6 chết.

Ngày 22/3/2018, Lê Võ Huy H, Ngô Huỳnh Nhật T1, Bùi Văn Q, Đặng Tuấn K, Dương Thanh S đầu thú; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phan Huỳnh T2 và Đinh Văn T4.

Ngày 26/3/2018 Trần Lê H1 đầu thú; Ngày 28/3/2018 Nguyễn Thành V đầu thú; Ngày 29/3/2018 Dương Văn T đầu thú; Ngày 02/4/2018 Lê Bình N đầu thú.

* *Tại bản kết luận giám định số: 44/GĐ-PY ngày 29/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết quả giám định:*

1. Khám ngoài:

Vùng thái dương đỉnh chẩm trái, có vết sưng nề nằm trên diện (18x6) cm, trên nền sưng nề này có vết rách đứt da cơ đã khâu chỉ dài 14cm, trục dọc miệng vết thương tạo với trục dọc cơ thể một góc 30^0 từ phải sang trái . Ký hiệu V1.

Vùng vai sau bên trái, có vết thương rách đứt da cơ đã khâu chỉ dài 6cm, trục dọc miệng vết thương tạo với trục dọc cơ thể một góc 80^0 từ phải qua trái. Kí hiệu V2.

Vùng lòng bàn tay trái, có vết đứt da cơ nông bờ mép sắc gọn, không rõ hình dạng, kích thước: dài 3 cm; chỗ rộng nhất 0,2 cm. Kí hiệu V3.

2. Khám trong: Tiến hành phẫu thuật tử thi:

Kiểm tra vết thương VI thấy: Bờ mép vết thương sắc gọn, hướng rãnh vết thương từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ trái qua phải, có máu đông tụ nhiều dưới da cơ, đứt xương sọ vùng tương ứng, tụ máu dưới màng cứng bán cầu não trái, dập não, xuất huyết não thùy chẩm trái, phù não lan tỏa bán cầu hai bên.

Kiểm tra vết thương V2 thấy: Bờ mép vết thương sắc gọn, rãnh vết thương sâu 0,5cm, hướng rãnh vết thương từ trên xuống dưới, từ sau ra trước, từ phải qua trái.

Kết luận: Nguyên nhân chết của Võ Văn T6 là do chấn thương sọ não.

* *Tại bản kết luận giám định số: 652/C09C(Đ5) ngày 12/10/2018 của phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:* Trên mũ bảo hiểm và con dao cán bằng nhựa có máu của nạn nhân Võ Văn T6. Trên con dao cán bằng gỗ không có máu.

* *Tang vật thu giữ:* 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen, trên mũ có ghi hàng chữ “DELI Sport”; 01 (một) con dao dài 29 cm, cán làm bằng gỗ màu đà dài 13cm, lưỡi dao làm bằng kim loại màu đen dài 16cm; 01 (một) con dao dài 23,5 cm, cán làm bằng nhựa màu xanh dài 11 cm, lưỡi làm bằng kim loại màu trắng

dài 12,5 cm; 01 (một) cục gạch vỡ; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 43E1 - 16986, số khung: 358334, số máy: 358381 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen, số Imei: 352810/09/482885/8 và Imei: 352811/09/482885/6 cùng sim điện thoại số 0905062813 gắn liền bên trong điện thoại.

Đối với số hung khí gây án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm ngay sau khi có thông tin nơi cất giấu hung khí từ các bị can trong vụ án nhưng kết quả truy tìm không thu được cây hung khí gây án nào. Đối với 03 cây hung khí gây án do bị can Nguyễn Thành V cất giấu trong nhà anh Nguyễn Thành V2, vì sợ liên lụy đến Nguyễn Thành V2 nên bị can V đã mang 03 cây hung khí đó vứt xuống sông đoạn dưới cầu T7 trước khi bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không thể truy tìm được.

- Phạm Tuấn V1 bị hư hỏng xe Airblade biển kiểm soát 43E1-41741 phải sửa chữa hết 795.000đ (*Bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng*).

Với nội dung trên tại Bản cáo trạng số Q3/CT-VKS-P1 ngày 10/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng đã truy tố:

- Các bị cáo Lê Võ Huy H, Lê Bình N, Bùi Văn Q, Nguyễn Thành V, Dương Văn T, Ngô Huỳnh Nhật T1, Phan Huỳnh T2, Đinh Văn T4, Dương Thành S, Đặng Tuấn K về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Lê H1 về tội “*Giết người*” theo các điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST-CTN ngày 17/01/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Võ Huy H (*Cát*), Lê Bình N, Bùi Văn Q, Nguyễn Thành V, Trần Lê H1 (*Bôn*), Dương Văn T, Ngô Huỳnh Nhật T1, Phan Huỳnh T2, Đinh Văn T4, Dương Thanh S và Đặng Tuấn K phạm tội “*Giết người*”.

- Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Lê Võ Huy H (Cát): 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 22/3/2018.

- Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Lê Bình N: 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 02/4/2018.

- Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Dương Văn T: 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính: từ ngày bị bắt giam 29/3/2018.

- Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bùi Văn Q: 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 22/3/2018.

- Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Nguyễn Thành V: 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính, từ ngày bắt giam, ngày 28/3/2018.

- Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Ngô Huỳnh Nhật T1: 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 22/3/2018.

Xử phạt: Phan Huỳnh T2: 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày: bị bắt giam, ngày 22/3/2018.

- Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Dương Thanh S: 06 (sáu) năm tù nhưng được trừ đi 09 (Chín) ngày bị tạm giữ trước đó (từ ngày 22/3/2018 đến ngày 31/3/2018). Còn lại bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm, 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Đặng Tuấn K: 06 (sáu) năm tù. Được trừ đi 09 ngày đã bị tạm giữ (từ ngày 22/3/2018 đến ngày 31/3/2018). Còn lại bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm, 11 (mười một) tháng, 21 (hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam lại, ngày 30/8/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Đinh Văn T4, Trần Lê H1 (Bôn) từ 07 đến 15 năm tù và quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ ngày 21-28/01/2019, các bị cáo Lê Võ Huy H, Lê Bình N, Phan Huỳnh T2, Ngô Huỳnh Nhật T1, Đặng Tuấn K, Dương Văn T, Bùi Văn Q,

Nguyễn Thành V có đơn kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xử nặng nên xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/01/2019, người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Thanh S là bà Phan Thị A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Dương Thanh S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Bình N, bị cáo Nguyễn Thành V tự nguyện rút đơn kháng cáo; các bị cáo Lê Võ Huy H, Phan Huỳnh T2, Ngô Huỳnh Nhật T1, Đặng Tuấn K, Dương Văn T, Bùi Văn Q, Dương Thanh S và các Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo đều đề nghị sửa bản án sơ thẩm để giảm một phần mức hình phạt cho các bị cáo Lê Võ Huy H, Phan Huỳnh T2, Ngô Huỳnh Nhật T1, Đặng Tuấn K, Dương Văn T, Bùi Văn Q; người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Thanh S bà Phan Thị A đề nghị sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Dương Thanh S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 342, Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút đơn kháng cáo của bị cáo Lê Bình N và bị cáo Nguyễn Thành V; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Võ Huy H, Bùi Văn Q, Dương Văn T - giữ nguyên Bản án sơ thẩm; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 355 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Huỳnh Nhật T1, Phan Huỳnh T2, Dương Thanh S, Đặng Tuấn K, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Bình N và bị cáo Nguyễn Thành V tự nguyện rút toàn bộ đơn kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 342 và Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của các bị cáo Lê Bình N, Nguyễn Thành V.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Các bị cáo Lê Võ Huy H, Bùi Văn Q, Dương Văn T, Ngô Huỳnh Nhật T1, Phan Huỳnh T2, Đặng Tuấn K, Dương Thanh S đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cấp sơ thẩm nhận định. Lời thừa nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng, kết quả khám nghiệm và tài liệu, chứng cứ khác, thể hiện: Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất mà các bị cáo đã sử dụng dao tự tạo, kiếm Nhật bằng kim loại đánh, chém nhiều nhát vào người, vào đầu người bị hại Võ Văn T6. Hậu quả làm anh Võ Văn T6 bị chấn thương sọ não dẫn đến tử vong. Hành vi phạm tội đó của các bị cáo đã xâm phạm đến khách thể đặc biệt quan trọng là tính mạng

của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương; gây hoang mang lo lắng trong nhân dân. Các bị cáo đều nhận thức và điều khiển được hành vi của mình nhưng cố tình phạm. Do đó, cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo Lê Võ Huy H, Bùi Văn Q, Dương Văn T, Ngô Huỳnh Nhật T1, Phan Huỳnh T2, Dương Thanh S và Đặng Tuấn K về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm c, khoản 4, Điều 247 BLHS 1999) là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét về hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo trong vụ án: Tất cả các bị cáo Lê Võ Huy H, Bùi Văn Q, Dương Văn T, Ngô Huỳnh Nhật T1, Phan Huỳnh T2, Đặng Tuấn K, Dương Thanh S tại cấp phúc thẩm đều thừa nhận về tội danh và cho rằng Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội giết người là không oan. Cấp sơ thẩm đã áp dụng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đó là: Thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; thành thật xin lỗi gia đình người bị hại. Sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú và đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình người bị hại nhằm khắc phục một phần hậu quả. Đồng thời, người bị hại cũng có một phần lỗi. Các bị cáo Q, T1, T2, T4, S, K khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nhận thức có phần hạn chế. Tuy nhiên, tính chất, mức độ phạm tội có khác nhau, cụ thể:

[3.1] Đối với các bị cáo Lê Võ Huy H: Bị cáo H là người khởi xướng khi điện thoại rủ bị cáo N, V và bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù, không chém trúng người bị hại nhưng trực tiếp cầm hung khí đuổi đánh nhóm của Võ Văn T6 một cách tích cực cổ vũ tinh thần cho cả nhóm; bị cáo là người đã thành niên không những không can ngăn các bị cáo khác, ngược lại là người rủ rê. Nhưng xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, mức án cấp sơ thẩm xử phạt 17 năm tù là có phần nghiêm khắc. Hơn nữa, sau khi có bản án sơ thẩm, bị cáo đã tác động gia đình nộp 24.000.000 đồng tiền bồi thường số tiền còn lại cho gia đình anh Võ Văn T6; số tiền 1.200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tổng cộng là 25.400.000 đồng thể hiện sự ăn năn hối cải thực sự cần xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt đối với bị cáo.

[3.2] Các bị cáo Bùi Văn Q, Dương Văn T: Bị cáo Bùi Văn Q trực tiếp sử dụng dao tự chế chém nhiều nhát vào vùng vai, tay của anh T6. Bị cáo là vị thành niên lại rủ và chở T1 quay về nhà H (Cát) tham gia cùng đồng bọn đánh nhóm bị hại. Mặc dù vậy, bị cáo có nhân thân tốt - không có tiền án tiền sự, là vị thành niên. Tại cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp đã nộp thay bị cáo Bùi Văn Q số tiền còn lại 28.000.000 đồng cho gia đình bị hại T6; nộp số tiền 1.400.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đ tiền án phí hình sự sơ

thảm, tổng cộng 29.600.000 đồng khắc phục hậu quả thể hiện tiếp tục ăn năn hối cải; đối với bị cáo Dương Văn T có hành vi chạy rượt đuổi nhóm người bị hại, bị cáo tham gia với vai trò giúp sức cầm một cây hung khí đuổi đánh nhóm người bị hại. Mặc dù bị cáo T có nhân thân xấu như bị cáo Nguyễn Thành V nhưng so với mức án bị cáo Nguyễn Thành V (12 năm tù) thì cấp sơ thẩm xử phạt 13 năm tù đối với bị cáo Dương Văn T là có phần nghiêm khắc. Đồng thời bị cáo Dương Văn T tác động gia đình bị cáo đã nộp số tiền 20.000.000 đồng bồi thường còn lại cho Đại diện người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ mới cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn Q, Dương Văn T.

[4] Đối với bị cáo Ngô Huỳnh Nhật T1: Bị cáo Ngô Huỳnh Nhật T1 và Trương Diệp L cùng bạn của T1 là Lê Võ Huy H xô xát với nhau. Điều này đã được giải quyết nhưng đây là nguyên nhân ban đầu dẫn tới mâu thuẫn hai nhóm bạn của T1 và L. Sau đó, nhóm của Trương Diệp L tìm đánh nhóm của Lê Võ Huy H. H mới rủ đồng bọn tìm đánh T6 tử vong. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo nộp số tiền còn lại 200.000 đồng tiền án phí, tuy nhiên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Ngô Huỳnh Nhật T1 mức án 07 năm tù là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Đối với các bị cáo Phan Huỳnh T2, Dương Thanh S, Đặng Tuấn K đều là người điều khiển xe mô tô chở đồng bọn như bị cáo T1 - rượt đuổi nhóm bị hại với vai trò giúp sức. Cấp sơ thẩm đã phân tích và đánh giá áp dụng đầy đủ những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chính sách khoan hồng là người chưa thành niên phạm tội theo quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp là ông Võ Văn T8 và bà Bùi Thị T9 nộp thay bị cáo T2 để khắc phục hậu quả số tiền 15.000.000 đồng còn lại cho Đại diện người bị hại; nộp 750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đ tiền án phí hình sự sơ thẩm, tổng cộng là 15.950.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ mới nên cần chấp nhận kháng cáo bị cáo Phan Huỳnh T2. Các bị cáo Dương Thanh S, Đặng Tuấn K đều không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Võ Huy H, Bùi Văn Q; Dương Văn T, Phan Huỳnh T2; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Huỳnh Nhật T1, Đặng Tuấn K và người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Thanh S là bà Phan Thị A.

[6] Về án phí:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Võ Huy H, Bùi Văn Q, Dương Văn T, Phan Huỳnh T2 được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của các bị cáo Ngô Huỳnh Nhật T1, Đặng Tuấn K và người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Thanh S là bà Phan Thị A không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 135, Điều 136; điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356; Điều 357; khoản 1 Điều 342 và Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 21, điểm c, d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Bình N, Nguyễn Thành V.

2. Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Võ Huy H (Cát), Bùi Văn Q, Dương Văn T, Phan Huỳnh T2. Sửa bản án sơ thẩm hình sự số 01/2019/HS-ST-CTN ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Lê Võ Huy H (Cát): 16 (Mười sáu) năm, 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam 22/3/2018.

2.2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Bùi Văn Q: 11 (Mười một) năm, 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam 22/3/2018.

2.3. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Dương Văn T: 12 (Mười hai) năm, 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam 29/3/2018.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Phan Huỳnh T2: 06 (Sáu) năm, 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 22/3/2018.

3. Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Ngô Huỳnh Nhật T1, Đặng Tuấn K và người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Thanh S là bà Phan

Thị A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm hình sự số 31/2018/HS-ST ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

3.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Ngô Huỳnh Nhật T1: 07 (bảy) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 22/3/2018.

3.2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

- Xử phạt: **Dương Thanh S: 06 (sáu) năm** tù nhưng được trừ đi **09 (Chín) ngày** bị tạm giữ trước đó (từ ngày 22/3/2018 đến ngày 31/3/2018). Còn lại bị cáo phải chấp hành là **05 (năm) năm, 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Xử phạt: **Đặng Tuấn K: 06 (sáu) năm** tù. Được trừ đi **09 (Chín) ngày** đã bị tạm giữ (từ ngày 22/3/2018 đến ngày 31/3/2018). Còn lại bị cáo phải chấp hành là **05 (năm) năm, 11 (mười một) tháng, 21 (hai mươi một) ngày** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam lại, ngày 30/8/2018.

4. Trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 584; 589 Bộ luật dân sự 2015.

Bị cáo Lê Võ Huy H (Cát) tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại anh Võ Văn T6 số tiền còn lại là 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*); nộp 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tổng cộng là 25.400.000đ (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng*). Bị cáo Lê Võ Huy H (Cát) đã nộp xong.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Văn Q là ông Võ Văn T8 và bà Bùi Thị T9 tiếp tục bồi thường thay bị cáo Bùi Văn Q cho gia đình bị hại anh Võ Văn T6 số tiền còn lại 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*); nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.400.000đ (*Một triệu bốn trăm ngàn đồng*) và 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm, tổng cộng 29.600.000đ (*Hai mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng*). Bị cáo Bùi Văn Q đã nộp xong.

Bị cáo Dương Văn T tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại anh Võ Văn T6 số tiền còn lại là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Bị cáo Dương Văn T đã nộp xong.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Huỳnh Thị là ông Phan Thanh Diện và bà Huỳnh Thị Diệu Hiền tiếp tục bồi thường thay bị cáo Phan Huỳnh T2 cho gia đình bị hại anh Võ Văn T6 số tiền còn lại 15.000.000đ (*Mười lăm triệu*) đồng và số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 950.000đ (*Chín trăm năm mươi ngàn đồng*). Bị cáo Phan Huỳnh T2 đã nộp xong.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Ngô Huỳnh Nhật T1 là ông Ngô Tấn T3 và bà Huỳnh Thị T10 đã nộp thay Ngô Huỳnh Nhật T1 số tiền 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm hình sự. Bị cáo Ngô Huỳnh Nhật T1 đã nộp xong.

Tiếp tục tạm giữ toàn bộ số tiền nêu trên của các bị cáo để đảm bảo công tác thi hành án.

5. Về án phí phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Võ Huy H (Cát), Bùi Văn Q, Dương Văn T, Phan Huỳnh T2 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc các bị cáo Ngô Huỳnh Nhật T1, Đặng Tuấn K, người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Thanh S là bà Phan Thị A mỗi người phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 22-4-2019./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu